

Bản án số: 45/2020/HSST
Ngày 30 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trúc và bà Đỗ thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ hình sự thụ lý số: 40/2020/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo.

1. Bị cáo: Trần Văn L - Sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, Thị trấn SV, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn H (đã chết) và con bà Đỗ Thị C, Vợ Hà Thị L và 01 con nhỏ.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 12/4/2019 Chủ tịch UBND huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000đ về hành vi “Vận chuyển, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép”

Nhân thân: Năm 2014 bị TAND huyện Như Xuân xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 30/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa

2. Bị cáo Hà Văn Ph, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Thôn DT, xã HT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hà Văn S (đã chết) và con bà Lê Thị T. Tiền án; Tiền sự: Không; chưa có vợ con.

Nhân thân: Năm 2015 bị Công an huyện Triệu Sơn, xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy”

Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 31/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 30/9/2019, Bùi Văn H dùng điện thoại di động có số thuê bao 0968240187 của em trai Bùi Văn H gọi vào số thuê bao 0904789480 của Trần Văn L để mua ma túy thì L đồng ý và hẹn H đến ngã ba Sim, xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, H điều khiển xe mô tô BKS 36B3-33150 chở Hải đến ngã ba Sim, đến nơi H vào quán cắt tóc “ Phong Lê” rồi gọi điện cho L hỏi L đang ở đâu, L trả lời đang ở ngã ba Hợp Thành, H đưa cho Hải 300.000đ và bảo H đến gặp L để mua ma túy, còn Hoàng ở lại cắt tóc, H đi xe máy đến gặp L nhưng chưa thực hiện được việc mua, bán ma túy thì L nhờ chở về nhà xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, H đồng ý rồi điều khiển xe H chở L quay lại đón H, cắt tóc xong H điều khiển xe máy chở H và L về nhà L, trên đường về bị tổ công tác Đội cảnh sát giao thông –Trật tự cơ động Công an huyện Triệu Sơn đang làm nhiệm vụ ra hiệu dừng phương tiện để kiểm tra, Trần Văn L nhảy xuống xe máy và ném xuống đất 01 cục xác điện thoại màu đen bên trong chứa chất màu trắng, dạng tinh thể nghi là ma túy đá nên Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản thu giữ người và tang vật đưa về cơ quan điều tra để tiến hành lấy lời khai.

Tại cơ quan điều tra L khai nhận khoảng 9 giờ ngày 30/10/2019 L đi từ nhà xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, xuống xã Hợp Thành-Triệu Sơn thăm vợ, con thì gặp Hà Văn Ph ở gần cổng nhà vợ, cả hai đứng nói chuyện Ph nói với L có “Đồ ngon” (nghĩa là ma túy) có sử dụng cho một ít sử dụng và bảo khi nào nghe tiếng hú ngoài cổng thì ra mà lấy, L đồng ý đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30 phút cùng ngày, nghe tiếng H, L đi ra cổng gặp một người mặc áo chống nắng trùm kín mặt điều khiển xe máy hát đầu về hướng cục xác điện thoại màu đen đang để ở phía bờ tường cạnh công nhà mẹ vợ L và bỏ đi, L nghỉ trong cục xác là ma túy của Ph nên lấy rồi đi vào nhà, cùng lúc H gọi hỏi L đang ở đâu để đến chơi, thì L nói đang ở ngã ba Sim, sau đó L đi ra ngã ba thì gặp H, sau đó nhờ H và H đưa về nhà và đang trên đường về thì công an huyện Triệu Sơn kiểm tra phát hiện và bắt quả tang.

Ngày 31/10/2019 Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ph ở thôn DT, xã HT thu giữ 01 vỏ bao thuốc lá 555 bên trong có chứa 01 túi ni lông màu

trắng có chữ màu xanh bên trong có 01 viên nén màu hồng có chữ WY nghi là hồng phiến; 01 gói ni lông màu trắng, miệng túi có viền màu đỏ kích thước 1,5cm x1,5cm bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể nghi là ma túy đá; 01 gói ni lông màu trắng miệng túi có viền màu xanh kích thước 2cm x1,5cm bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể nghi là ma túy đá, 01 gói ni lông màu trắng, miệng túi có viền màu đỏ kích thước 7cmx4cm bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể nghi là ma túy đá trong túi áo khoác của Phương vắt trên ghế nên lập biên bản thu giữ và niêm phong tang vật và ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Ph.

Tại Bản kết luận giám định số: 2438/PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất ma túy thu giữ của Trần Văn L trong phong bì niêm phong gửi đi giám định có tổng khối lượng là 2,377g loại methamphetamin; và kết luận giám định số 2435/PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất ma túy thu giữ của Hà Văn Ph trong phong bì niêm phong gửi giám định gồm 01 viên màu hồng có chữ “WY” là ma túy có khối lượng là 0,011g là loại methamphetamin, chất dạng tinh thể màu trắng chứa trong gói ni lông màu trắng, miệng có viền màu đỏ là ma túy có khối lượng, 0,136g loại methamphetamin; Chất dạng tinh thể màu trắng chứa trong gói ni lông màu trắng, miệng viền màu xanh là ma túy có khối lượng 0,122g methamphetamin và Chất dạng tinh thể màu trắng chứa trong gói ni lông màu trắng là ma túy có khối lượng là 0,087g loại methamphetamin , Chất dạng tinh thể màu trắng chứa trong gói ni lông màu trắng

Quá trình điều tra Ph khai khai nhận: số ma túy bắt giữ tại nhà bị cáo là do chiều ngày 30/10/2019 Ph sang nhà Hà Xuân Ngh cùng thôn chơi khi ra về, Ngh gọi Ph lại đưa bao thuốc lá 555 nói cầm hộ, tối anh đi có việc anh lấy, sau đó Ph về nhà lấy bao thuốc lá 555 ra kiểm tra thấy 01 túi ni lông chứa 01 viên nén màu hồng và 03 túi ni lông có chứa ma túy, sáu đó bỏ lại số ma túy vào bao thuốc lá, để vào túi áo khoác vắt lên ghế nhưng tối cùng ngày không thấy Ngh đến lấy thì sáng ngày 31/10/2019 bị Công an triệu tập để làm rõ số ma túy thu giữ của L đồng thời khám xét nơi ở của Ph và thu giữ số ma túy trên.

Vật chứng của vụ án: Chuyển 02 phong bì niêm phong là mẫu vật còn lại sau giám định, 01 điện thoại màu đen trắng mặt sau có chữ Iphone có số sim 0968240187, 01 điện thoại không còn nguyên vẹn, mặt sau có chữ Nokia model 1202 có số sim số 0978787852 đã qua sử dụng, 01 mảnh hộp nhựa màu đen dạng hình chữ nhật có in số 388 và 300.000đ tiền việt nam đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn bảo quản chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn đã truy tố các bị cáo Trần văn L và Hà Văn Ph về tội “*Tàng trữ trái*

phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, (BLHS), tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 BLHS để xử phạt bị cáo L từ 18 đến 24 tháng tù, tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, bị cáo Ph từ 15 đến 18 tháng tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, các bị cáo đều không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a,c Điều 47 BLHS, điểm a, b Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám trả lại chiếc điện thoại chữ Iphone có số sim 0968240187 và số tiền 300.000đ cho anh Bùi Văn Hải, trả lại cho bị cáo Ph chiếc điện thoại Nokia model 1202 có số sim số 0978787852 , tịch thu tiêu hủy 01 mảnh hộp nhựa màu đen dạng hình chữ nhật có in số 388 vì không còn giá trị sử dụng.

Phần tranh luận: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, không có tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đều xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều không có khiếu nại, tố cáo gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện thể hiện trong hồ sơ điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận:

Trần văn L khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/10/2019 bị Công an huyện Triệu Sơn kiểm tra phát hiện và bắt quả tang hành vi tàng trữ 2,377g ma túy loại Metham phetamine và trình bày nguồn gốc số ma túy bị cáo tàng trữ là của bị cáo Ph cho.

Hà Văn Ph khai nhận: Vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 31/10/2019 Công an huyện Triệu Sơn khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo thu giữ trong túi áo khoác của bị cáo 1 gói ma túy trọng lượng 0,446gam ma túy loại Metham phetamine, trình bày nguồn gốc số ma túy bị cáo tàng trữ là của Hà Xuân Ngh nhờ bị cáo cầm hộ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra, Biên bản phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng, Bản kết luận giám định, nội dung bản Cáo trạng, luận tội của kiểm sát viên và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Cáo trạng số 41 ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm

c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

HĐXX đủ căn cứ kết luận các hành vi của Trần Văn L và Hà Văn Ph đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

[3] Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bản thân bị cáo đều còn trẻ, đủ nhận thức để biết rằng các loại ma túy nói chung là các chất gây nghiện được Đảng, Nhà nước thống nhất quản lý, nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán trái phép nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo L đã có hành vi tàng trữ khối lượng 2,377g ma túy loại Metham phetamine (dạng ma túy đá) và bị cáo Ph đã có hành vi tàng trữ khối lượng 0,446gam ma túy loại Metham phetamine (dạng ma túy đá) các bị cáo đều có hành vi tàng trữ khối lượng ma túy trên 0,1g và dưới 5 g nên phải chịu tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Hành vi của bị cáo không những làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, làm băng hoại đạo đức lối sống mà còn là nguyên nhân gây ra các loại tệ nạn xã hội khác, vì vậy cần phải xử phạt nghiêm và lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng tính chất mức độ từng bị cáo nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, các bị cáo đều có nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo L đang có tiền sự nên cần xử lý nghiêm khắc hơn bị cáo Ph.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố đều đã chết, con đều còn nhỏ, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân

Bị cáo Ph năm 2015 bị Công an huyện Triệu Sơn, xử phạt hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”

Bị cáo L năm 2014 bị TAND huyện Như Xuân xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Cố ý gây thương tích*” đã được xóa án tích và ngày 12/4/2019 Chủ tịch UBND huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000đ về hành vi “*Vận chuyển, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép*” Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, lao động tự do, điều

kiện kinh tế khó khăn và không có tài sản, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của các bị cáo: Bị cáo L khai số ma túy thu giữ là của bị cáo Ph cho, còn bị cáo Ph khai số ma túy thu giữ trong túi áo khoác tại nhà bị cáo là do Hà Xuân Ngh gửi cầm hộ trước đó nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ph không nhận đã cho L ma túy, Hà Xuân Ngh cũng không nhận đã gửi ma túy cho Ph cầm hộ, các bị cáo không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh nguồn gốc số ma túy thu giữ quả tang của các bị cáo là của người khác, do đó cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Hà Xuân Ngh về nguồn gốc số ma túy thu giữ của Ph và L.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định và 01 mảnh hộp nhựa màu đen dạng hình chữ nhật có in số 388 và 01 mảnh nhựa màu đen dạng hình chữ nhật có dây điện là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại màu đen trắng mặt sau có chữ Iphone có số sim 0968240187, đã qua sử dụng và số tiền 300.000đ, thu giữ của anh Bùi Văn H và 01 điện thoại không còn nguyên vẹn, mặt sau có chữ Nokia model 1202 có số sim số 0978787852 thu giữ của bị cáo Ph không liên quan đến vụ án trả lại cho anh H và bị cáo Ph.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L và Hà Văn Ph phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt bị cáo L 20 (hai mươi) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày tạm giữ tạm giam 30/10/2019

Xử phạt bị cáo Ph 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 31/10/2019;

Áp dụng: Điểm a,c Điều 47 BLHS, Điểm a,c khoản 2 Điều 106, 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 336 và khoản 1 Điều 337 BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và 02 mảnh nhựa màu đen dạng hình chữ nhật (01 mảnh bên trong có số 388 và 01 mảnh có dây điện), trả lại cho anh Bùi Văn H số tiền 300.000đ và 01 điện thoại Iphon bên trong có số sim 0968240.187, trả lại cho bị cáo Ph 01 điện thoại di động không còn nguyên vẹn, mặt sau in chữ NOKIA model 1202 có số sim 0978787852 (Vật chứng có đặc điểm tại quyết định chuyển vật chứng số 41 ngày 16/6/2020 của VKSND huyện Triệu Sơn)

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở TP tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Hợp